

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại Nhà thuốc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng năm 2025-2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-TTKSBT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy trình mua sắm thuốc, hoá chất, vật tư xét nghiệm, máy móc, thiết bị y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-TTKSBT ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng Về việc phê duyệt kết quả xét chọn cho nhà cung cấp Gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại Nhà thuốc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng năm 2025-2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 29/10/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại Nhà thuốc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng năm 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược-Vật tư y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại Nhà thuốc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng năm 2025-2026

1. Tên gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại Nhà thuốc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng năm 2025-2026

2. Giá gói thầu: 2.881.213.600 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, hai trăm mười ba nghìn, sáu trăm đồng)

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng

4. Tên nhà thầu trúng thầu, số lượng và giá trị mua sắm:

+ Công ty cổ phần Đại Bắc Miền Trung: 672.750.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)- Phụ lục I

+ Công ty cổ phần VINH HOA – VINHOACO: 672.750.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)- Phụ lục II

+ Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1-CN Đà Nẵng: 972.337.600 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng chẵn*)- Phụ lục III

+ Công ty TNHH DP- TBYT Bảo Minh: 128.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn*)- Phụ lục IV

+ Công ty Cổ phần Dược Phẩm Thăng Phát: 254.900.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn*)- Phụ lục V

+ Công ty CP Y Tế Đức Minh: 179.676.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn*)- Phụ lục VI

5. Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo Khoản 17 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi bổ sung Khoản 2 Điều 55 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 22/2023/QH15.

7. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết 31/12/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao khoa Khoa Dược-VTYT phối hợp với Phòng Tài chính- Kế toán và các khoa phòng liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện ký kết hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược - VTYT phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, DVTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Vĩnh

Phụ lục I

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày tháng 10 năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty cổ phần Đại Bắc Miền Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK/ GPN K	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Natrofen	Cefprozil	500 mg	Viên nén/uống	Hộp 3 vi x 4 viên	36 tháng	VN- 21377 -18	REMEDIN A S. A	Hy Lạp	1	Viên	19.500	34.500	672.750.000
														672.750.000

Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Phụ lục II

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày tháng 10 năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty cổ phần VINH HOA –VINHOACO

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK/ GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Pricefil 500	Cefprozil 500mg (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500 mg	Viên nén/uống	Hộp 1 vi x 12 viên	36 tháng	520110132324 (VN-18859-15)	Viane x S.A Nhà máy D	Hy Lạp	1	Viên	19.500	34.500	672.750.000
Tổng cộng														672.750.000

Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Phụ lục III

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày tháng 10 năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1-CN Đà Nẵng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK/ GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Miko- Penotran	Miconazol nitrate 120 0mg	Miconazol nitrate 1200mg	Viên đặt âm đạo	Hộp x1 vi/ viên	36 tháng	VN- 14739-12	Exeltis llac San Ve Tic A. S	Thổ Nhĩ Kỳ	5	Viên	8.000	99.750	798.000.000
2	Neo – Penotran	Metronida zole 500mg + Miconazol nitrat 100 mg	500 mg 100 mg	Viên đặt âm đạo	Hộp 2 vi x 7 viên	36 tháng	8681150 84323	Exeltis llac San Ve Tic A. S	Thổ Nhĩ Kỳ	5	Viên	14.800	9.485	140.378.000
3	Rosepire	Drospiren one 3mg; Ethinylest radiol 0,02mg	3mg/ 0,02mg	Viên nén/ Uống	Hộp 1 vi x 28 viên	24 tháng	8401105 24324	Laborat orios Leon Farma, S. A	Tây Ban Nha	1	Viên	7.300	4.652	33.959.600
Tổng cộng														972.337.600

Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng chẵn.

Phụ lục IV

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày tháng 10 năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty TNHH DP- TBYT Bảo Minh

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK/ GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vagsur	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat): 100 mg; Clotrimazol: 200 mg	100mg/ 200mg	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 10 viên	36 tháng	8931107058 24	công ty CPDP MEDIS UN	Việt Nam	4	viên	7.000	18.400	128.800.000
Tổng cộng														128.800.000

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn

Phụ lục V

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày tháng 10 năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty cổ phần Dược Phẩm Thăng Phát

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK/ GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Lacves	Metronidazo 1 500mg; Clotrimazol 150mg; Neomycin sulfat 200mg	500mg 150mg 200mg	Viên đặt âm đạo	Hộp 2 vi x 5 viên/ vi	24 tháng	VN3-308- 21	Ltd Farmap rim	Moldov a	5	Viên	10.000	25.490	254.900.000
Tổng cộng														254.900.000

Bảng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn

Phụ lục VI

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-TTKSBT ngày tháng 10 năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

Tên công ty: Công ty cổ phần Y Tế Đức Minh

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK/ GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Immubron	Chất ly giải vi khuẩn đông khô gồm: Haemophilus influenzae + Diplococcus pneumoniae + Klebsiella pneumoniae and ozaenae + Staphylococcus aureus + Streptococcus pyogenes and viridans + Neisse	Chất ly giải vi khuẩn đông khô 50mg, trong đó 7mg tương ứng: Staphylococcus aureus 6 tỷ, Streptococcus pyogenes 6 tỷ, Streptococcus viridans 6 tỷ, Klebsiella pneumoniae 6 tỷ, Klebsiella ozaenae 6 tỷ, Haemophilus influenzae nhóm B 6 tỷ, Neisseria catarrhalis 6 tỷ, Diplococcus pneumoniae 6 tỷ	Viên nén ngậm dưới lưỡi	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	800410036123	Brusche ttini s.r. l	Ý	1	Viên	12.400	14.490	179.676.000
Tổng cộng														179.676.000

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn.